

BÁO CÁO
Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020

Thực hiện Công văn số 1495/UBND-KHTC ngày 04/11/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÙNG DTTS CỦA TỈNH

Thái Nguyên là tỉnh thuộc vùng trung du miền núi Bắc Bộ, có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (06 huyện, 02 thành phố, 01 thị xã; trong đó có 04 huyện miền núi, 01 huyện vùng cao). Tổng diện tích tự nhiên trên 3.526 km², dân số 1.286.751 người, gồm 51 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) của tỉnh có trên 384 nghìn người, chiếm 29,87% dân số toàn tỉnh. Trên địa bàn tỉnh có 123 xã, thị trấn thuộc vùng DTTS và miền núi (chiếm trên 90% diện tích toàn tỉnh) được phân định thành 3 khu vực (I, II, III) theo trình độ phát triển gồm: 25 xã khu vực I; 62 xã khu vực II; 36 xã khu vực III; 542 xóm, bản đặc biệt khó khăn.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Các văn bản chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; trên cơ sở tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số của tỉnh, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020. Trong đó, giao Ban Dân tộc tỉnh là cơ quan thường trực thực hiện triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt trong hệ thống chính trị và nhân dân

Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên trong hệ thống chính trị và nhân dân được các sở, ban, ngành, địa phương quan tâm triển khai phổ biến đến cán bộ, đảng viên và nhân dân thông qua các hội nghị tổng kết; các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về lĩnh vực công tác dân tộc; các lớp tập huấn thuộc Dự án đào tạo thuộc Chương trình 135. Qua đó, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong việc tổ chức triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác phối hợp triển khai Chiến lược công tác dân tộc giữa các sở, ngành

Các sở, ngành đã nghiêm túc xây dựng kế hoạch công tác triển khai thực hiện quyết định giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh; Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; tăng cường phối hợp nhằm thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Các sở, ngành chủ động tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc để thực hiện Chiến lược công tác dân tộc do các ngành quản lý như: Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 ban hành về Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Quyết định số 1722/QĐ-TTg phê duyệt CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tiếp tục ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo DTTS (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); Nghị định số 116/2016/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBKK và Quyết định số 1008/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025 (Sở Giáo dục và Đào tạo); Quyết định số 402/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức DTTS trong thời kỳ mới; Quyết định số 163/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020, trong đó khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nữ, người dân tộc thiểu số, công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tập, nâng cao trình độ, năng lực làm việc (Sở Nội vụ).

Bên cạnh việc tổ chức triển khai thực hiện các chính sách của trung ương, các sở, ngành của tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách đặc thù hỗ trợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, nhằm tập trung phát triển sản xuất, đẩy mạnh công tác giảm nghèo, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cho vay vốn, hỗ trợ dạy nghề, giải quyết việc làm; hỗ trợ khám chữa bệnh; bảo tồn bản sắc văn hóa, giữ vững an ninh trật tự vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách, đề án do Trung ương ban hành

1.1. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ

a) Chương trình 135:

+ Vốn thực hiện giai đoạn 2013-2015 là: 299,86 tỷ đồng. Kết quả: về hỗ trợ phát triển sản xuất đã hỗ trợ cho gần 30.000 hộ về giống cây trồng, vật nuôi, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật; đầu tư xây dựng 427 công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, nước sinh hoạt; duy tu bảo dưỡng 24 công trình;

+ Vốn thực hiện giai đoạn 2016-2020 là: 554,03 tỷ đồng. Kết quả: về hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đã hỗ trợ 445 dự án hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật; thực hiện nhân rộng 57 mô hình giảm nghèo; đầu tư xây dựng 414 công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, nước sinh hoạt; duy tu bảo dưỡng 184 công trình; tổ chức tổ chức 80 lớp tập huấn với 6.277 học viên tham gia tập huấn về công tác dân tộc, tôn giáo, chính sách dân tộc ...

Về kết quả: Năm 2016 tỉnh Thái Nguyên có 12 xã ra khỏi diện ĐBKK; năm 2019 tỉnh Thái Nguyên có 19/63 xã, 75/94 xóm đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135.

b) Hỗ trợ giảm nghèo về thông tin và truyền thông:

Triển khai thực hiện hỗ trợ thiết bị thu truyền hình số theo Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Lắp đặt, bàn giao đầu thu kỹ thuật số cho 53.713 hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định, đạt 100% kế hoạch.

Các hoạt động truyền thông về giảm nghèo được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các địa phương, đơn vị tích cực triển khai thực hiện.

c) Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình: Tổ chức 33 lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác giảm nghèo cho trên 5.500 lượt người là thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

cấp huyện, cấp xã về các chính sách giảm nghèo mới và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tập huấn nâng cao năng lực giảm nghèo, giám sát, đánh giá cho cán bộ Hội Phụ nữ, Hội Nông dân 3 cấp tỉnh, huyện, xã.

1.2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới

Theo các tiêu chí và kết quả phân định giai đoạn 2017-2020, tỉnh Thái Nguyên có 114 xã thuộc ba khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đây là những xã có địa hình không thuận lợi, xa trung tâm hành chính, cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại kém phát triển; đồng bào khó tiếp cận các dịch vụ cơ bản, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với mặt bằng chung của tỉnh...

Tuy nhiên, nhờ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 cùng các chính sách dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi nói chung, vùng đặc biệt khó khăn nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực; diện mạo nông thôn, miền núi có nhiều thay đổi, kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi từng bước được thay đổi, với năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao. Nhiều địa phương đã phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bào DTTS&MN, tập trung phát triển sản xuất hàng hóa, chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng thị trường, phát triển sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP. Đến ngày 30/11/2020, vùng DTTS&MN có 74/114 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 64,9%; không còn xã dưới 10 tiêu chí.

1.3. Thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ giúp người dân khu vực nông thôn ổn định cuộc sống, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh quốc phòng, đồng thời giúp các địa phương trong vùng dự án hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tổng số hộ thực hiện bố trí dân cư vùng thiên tai từ năm 2013 dự kiến đến hết năm 2020 là 632 hộ/662 hộ kế hoạch (đạt 95,4%). Trong đó: Tái định cư tập trung 197 hộ; di chuyển xen ghép 252 hộ và hỗ trợ bố trí dân cư tại chỗ 193 hộ.

- Kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng tại các dự án bố trí dân cư: 73,543 km đường giao thông; 02 cầu nông thôn; 14 công trình thủy lợi nhỏ; hệ thống điện: 6,036 km đường dây trung và hạ thế, 05 trạm biến áp; 09 nhà văn hóa; hệ thống cấp nước sinh hoạt: 06 công trình cấp nước tập trung, 02 giếng (bể) nước; 06 hệ thống thoát nước; trường học mẫu giáo: 03 phòng; 02 chợ nông thôn; Kè: 01 công trình; Tràn liên hợp: 04 công trình; San lấp mặt bằng: 198.507 m².

- Kết quả thực hiện các nguồn vốn: Tổng vốn đã thực hiện giai đoạn 2013-2020: 577.102 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương 351.930 triệu

đồng, ngân sách địa phương 225.172 triệu đồng. Cơ cấu vốn: Đầu tư phát triển 524.141 triệu đồng, sự nghiệp kinh tế 52.961 triệu đồng.

1.4. Thực hiện Chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Trong giai đoạn 2016-2020, Chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ đã được tổ chức, tuyên truyền, vận động người dân sống dựa vào rừng tích cực tham gia trồng rừng giúp xóa đói giảm nghèo đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Cụ thể: Tổ chức 659 lớp tập huấn tuyên truyền phổ biến kiến thức tới đồng bào về Luật Lâm nghiệp, công tác bảo vệ rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp; cấp phát 4.240 tờ rơi, quyền tài liệu về kỹ thuật trồng rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, các quy định, chính sách vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế đồi rừng; các quy định về kinh doanh, sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, chi trả dịch vụ môi trường rừng... với 32.388 lượt người tham gia. Thực hiện trồng mới được 30.905 ha (trồng rừng sản xuất: 28.432,62 ha, trồng rừng phòng hộ: 2.297,58 ha, trồng rừng đặc dụng: 174,8 ha); trồng cây phân tán đạt 4.197.974 cây; chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng: 5.107,1 lượt ha; giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được 134.914,48 lượt ha. Đầu tư xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp với tổng chiều dài 6,3 km tại xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ và xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông, vận xuất, vận chuyển lâm sản, phát triển kinh tế cho người dân sống gần rừng.

1.5. Thực hiện Chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/09/2015 của Chính phủ

UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 4094/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về phê duyệt “Dự án trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng trong thời gian chưa đảm bảo được lương thực trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2017-2023”. Dự kiến đến năm 2023, trợ cấp cho 10.199 nhân khẩu với 5.439.780 kg gạo. Hiện nay, Chi cục Kiểm lâm phối hợp với Tổng cục Dự trữ Nhà nước - Bộ Tài chính đang hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Trong 02 năm 2017, 2018 toàn tỉnh thực hiện hỗ trợ được 593.100 kg gạo cho 806 hộ gia đình (tại huyện Định Hóa, Võ Nhai), tương đương với số kinh phí trên 7,7 tỷ đồng.

Về khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng: Tổng diện tích hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2014-2020 đạt trên 54.000 ha, tương đương với số kinh phí khoảng 21,6 tỷ đồng.

1.6. Thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn có hỗ trợ từ ngân sách trung ương trên 9.000 học viên, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30%. Số lao động sau đào tạo có việc làm chiếm trên 80%.

1.7. Thực hiện Chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số

Công tác cấp phát thẻ bảo hiểm y tế (BHYT), khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số đã có nhiều chuyển biến tích cực, đối tượng nhận thẻ BHYT thông qua Bưu điện, góp phần nâng tỷ lệ bao phủ BHYT của tỉnh đạt trên 98%. Người nghèo, người dân tộc thiểu số mắc bệnh nặng hiểm nghèo được khám chữa bệnh theo Quyết định số 4163/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh.

1.8. Thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020, trong đó xây các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới phù hợp với đặc điểm, tình hình của tỉnh. Về kết quả triển khai:

- Tổ chức 12 lớp tuyên truyền về kiến thức giới, pháp luật bình đẳng giới cho hơn 1.000 lượt cán bộ và người dân tại cộng đồng; cấp phát hơn 5.000 tờ gấp tuyên truyền về “Bình đẳng giới trong gia đình”. Các ngành, đoàn thể của các huyện, thành phố, thị xã tổ chức 255 lớp tập huấn, tuyên truyền về bình đẳng giới cho hơn 25.000 lượt người nghe.

- 100% hộ nghèo do phụ nữ làm chủ là người dân tộc thiểu số có nhu cầu hỗ trợ được các cấp Hội Phụ nữ giúp đỡ phát triển kinh tế thông qua các hoạt động vay vốn tín chấp, hỗ trợ cây, con giống, ngày công lao động...; 100% cơ sở Hội duy trì hoạt động tiết kiệm, vay vốn tại chi, tổ phụ nữ giúp cho phụ nữ nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tỷ lệ phụ nữ là người dân tộc thiểu số đi khám đủ từ 03 lần trở lên tại các cơ sở y tế trong thời kỳ thai sản đạt trên 90%. Các xã, phường, thị trấn đã tuyên truyền, hướng dẫn người dân thụ hưởng đầy đủ các chế độ theo nội dung Nghị định số 39/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

1.9. Thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: Kinh phí thực hiện mỗi năm trên 20 tỷ đồng.

1.10. Thực hiện quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 về chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non (Nay là Nghị định 06/2018/NĐ-CP): Kinh phí thực hiện mỗi năm trên 15 tỷ đồng.

1.11. *Thực hiện Thông tư số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng cho học sinh dân tộc nội trú: Kinh phí thực hiện trung bình mỗi năm trên 30 tỷ đồng.*

1.12. *Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Kinh phí thực hiện trung bình mỗi năm trên 21 tỷ đồng.*

1.13. *Chính sách phát triển cơ sở vật chất trường học đối với vùng dân tộc thiểu số, miền núi.*

Trong những năm qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được ban hành, trong đó có đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp; chương trình mục tiêu giáo dục và đào tạo (dự án hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn; dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở vùng khó khăn nhất...); chương trình kiên cố hóa trường lớp học và xây dựng nhà công vụ giáo viên... Các chương trình, dự án đã tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện để thực hiện chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số.

Kết quả thực hiện: Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa giai đoạn 2017-2020 với tổng vốn 181 tỷ đồng đang triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch; Dự án THCS vùng khó khăn nhất giai đoạn 2 với tổng mức 11,4 tỷ đồng. UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục MN, DTTS và vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 với tổng kinh phí trên 58 tỷ đồng. Thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc tỉnh, hiện 6/6 trường đã được đầu tư xây dựng theo Đề án mở rộng nâng cấp hệ thống các trường để đạt chỉ tiêu trên 8% học sinh người dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, tổng kế hoạch vốn đến tháng 7/2020 là 130.703 triệu đồng. Trong 05 năm qua 10 trường PTDTBT (08 trường cấp THCS và 02 trường cấp tiểu học) cũng được quan tâm đầu tư mua sắm, sửa chữa, cải tạo tổng kinh phí thực hiện trên 26 tỷ đồng, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số được học tập có chất lượng.

1.14. *Thực hiện Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa*

Hàng năm, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, chiếu bóng vùng cao phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn; cấp phát và luân chuyển 111 đầu sách cho 232 lượt xã thuộc vùng dân tộc trên địa bàn tỉnh (trị giá 10

triệu/xã). Định kỳ 02 năm một lần chỉ đạo tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

1.15. Thực hiện Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Hướng dẫn xây dựng 30 mô hình, mẫu hình văn hóa, văn nghệ tại cơ sở; Tổ chức thành công Ngày hội văn hóa dân tộc Sán Dìu tỉnh Thái Nguyên lần thứ I (tại xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ); tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao dân tộc Mông tại cơ sở đã thu hút được đông đảo đồng bào và nhân dân, du khách về dự, thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao này đã giúp nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho đồng bào dân tộc Mông.

Khảo sát điểm du lịch sinh thái văn hóa Hang chùa - Suối tiên tại xã Văn Lăng, huyện Đồng Hỷ. Toàn tỉnh hiện có 02 điểm du lịch vùng dân tộc đã được công nhận là điểm du lịch địa phương là: Khu bảo tồn làng nhà sàn du lịch sinh thái Thái Hải (*Xóm Mỹ Hào, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên*); Làng văn hóa dân tộc Tày Bản Quyên (*xóm Bản Quyên, xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa*). Hiện nay, UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng dự thảo hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng (*theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 75, Luật Du lịch*).

1.16. Thực hiện Kế hoạch kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam tỉnh Thái Nguyên

Kiểm kê, thống kê, lập hồ sơ khoa học, đánh giá thực trạng và hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc; xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể từng năm và giai đoạn để trùng tu, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử - văn hoá, các danh thắng trọng điểm; tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu hiện vật. Từ đó, các giá trị truyền thống được bảo tồn và phát huy, nhân dân trong và ngoài tỉnh biết nhiều hơn và quan tâm hơn đến truyền thống văn hoá đặc sắc và đa dạng của các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Số công trình văn hóa, di tích lịch sử được bảo tồn, trùng tu là 23 công trình. Đến nay có 15 di sản tiêu biểu của các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, gồm: Múa Tắc xình, Hát Sáng Cọ, Nghi lễ Cầu mùa (*của người Sán Chay*); Nghi lễ Cấp sắc, Nghi lễ Tết nhảy (*của người Dao*); Rối cạn ở Thảm Rộc và Ru nghệ, nghi lễ Then, Lễ hội Lồng Tồng, Lượn Cọi (*của người Tày*); hát Soọng Cô (*của người Sán Dìu*); Nghi lễ Hét Khoăn, Nghi lễ Cấp sắc của người Nùng; Nghệ thuật Khèn của người Mông; Lễ hội Đền Đuôm, huyện Phú Lương;

Lễ hội Đình Phương Độ, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình. Đặc biệt, di sản Nghi lễ Then đang được đệ trình UNESCO xem xét đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

1.17. Thực hiện Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

- Tổng số dự án được triển khai thực hiện là 12 dự án, trong đó có 06 dự án do Trung ương quản lý và 06 dự án ủy quyền địa phương quản lý.

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho thực hiện các dự án là: 29.201 triệu đồng, chiếm 52,61% tổng kinh phí thực hiện dự án.

- Kinh phí huy động được từ nguồn đối ứng của đơn vị chủ trì thực hiện, của các địa phương, các hợp tác xã, hộ nông dân tham gia là 26.209 triệu đồng chiếm 47,3% tổng số kinh phí thực hiện dự án.

1.18. Thực hiện Quyết định số 75/QĐ-TTg của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn bản

Nhân viên y tế thôn bản được hưởng chế độ phụ cấp hệ số 0,5 hoặc 0,3/01 tháng theo quy định và hệ số 0,15 /01 tháng do UBND tỉnh Thái Nguyên quy định. Tổng kinh phí thực hiện trên 40 tỷ.

1.19. Thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số: Ngân sách tỉnh đã thực hiện hỗ trợ theo quy định với tổng kinh phí trên 5 tỷ đồng.

1.20. Thực hiện Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục

Tính từ năm 2015 đến năm 2020, số sinh viên dự học tại 8 trường đại học: 90 người, (số hiện nay còn đang theo học tính đến thời điểm năm 2020 là 27 sinh viên). Tổng số hồ sơ của sinh viên đã tốt nghiệp được các huyện tiếp nhận từ năm 2015 - 2020: 64 hồ sơ, trong đó sắp xếp vị trí việc làm từ năm 2015-2020: 32 người.

1.21. Thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ: Kết quả giải ngân vốn vay năm 2018 -2019 là 16,0 tỷ đồng cho gần 400 hộ được vay vốn. Kế hoạch vốn hỗ trợ năm 2020 là 3.488 triệu đồng gồm: hỗ trợ đất sản xuất 705 triệu đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề 1.400 triệu đồng; hỗ trợ nước sinh hoạt 1.383 triệu đồng.

1.22. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng kinh phí thực hiện từ năm 2013 đến năm 2020 là gần 15,0 tỷ đồng. Kết quả: Tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán, tết các DTTS; thăm hỏi ốm đau, gia đình người có uy tín gặp khó khăn, hoạn nạn; khen thưởng, cấp Báo Thái Nguyên, Báo Dân tộc và Phát triển, tổ chức hội nghị cung cấp thông tin và đưa người có uy tín đi thăm quan học, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh...

1.23. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng kinh phí thực hiện đến hết năm 2017 là 62,3 tỷ đồng. Kết quả: Hỗ trợ đất sản xuất cho 272 hộ; hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ cho 8.046 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 11.091 hộ; đầu tư xây dựng mới 03 công trình và duy tu sửa chữa 06 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

1.24. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ: Kết quả thực hiện giai đoạn 2013 - 2018 (năm 2019 chính sách kết thúc) đã hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho hơn 600.000 khẩu thuộc hộ nghèo vùng khó khăn với tổng kinh phí là 56,4 tỷ đồng để các hộ được hỗ trợ chủ động trong việc mua giống cây, giống con, thuốc thú y và muối iốt theo quy định hiện hành.

1.25. Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011; Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 19/4/2016; Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 16/1/2017; Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019)

Tính đến hết tháng 10/2020, Bru điện tỉnh đã tổ chức cấp phát được 5.788.056 ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

1.26. Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. Việc triển khai thực hiện Đề án được tổ chức lồng ghép tuyên truyền thông qua 16 lớp tập huấn, bồi dưỡng, các lớp tập huấn cho cộng đồng thuộc Chương trình 135 với 1.040 lượt người tham gia; 20 hội nghị với 1.790 lượt người

tham gia tại Hội nghị tuyên truyền bình đẳng giới, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng DTTS&MN, cung cấp thông tin cho Người có uy tín trong vùng DTTS&MN và qua loa phát thanh của xóm, bản.

Việc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin số liệu thực trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đã được triển khai tại các huyện, thành phố, thị xã bằng phiếu điều tra, tổng hợp số liệu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống từ năm 2015-2018 trên địa bàn. Trong 1.987 xóm thuộc 124 xã vùng DTTS&MN, từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2018 có tổng số 21.532 cặp kết hôn, trong đó có 466 cặp tảo hôn, chiếm 2,16% tổng số cặp kết hôn (dân tộc Kinh chiếm số đông nhất là 140 cặp, tiếp đến là dân tộc Mông 118 cặp, dân tộc Tày 61 cặp, dân tộc Dao 60 cặp, dân tộc Nùng 32 cặp, dân tộc Sán Dìu 29 cặp, dân tộc Sán Chay 21 cặp, dân tộc Hoa 01 cặp và các dân tộc khác 04 cặp). Về hôn nhân cận huyết thống, có 03 cặp dân tộc Mông thuộc huyện Võ nhai, chiếm 0,01%.

1.27. Đề án "Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021" theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 28/6/2019 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2021. Trong giai đoạn 2017 - 2020, tổ chức 16 hội nghị với gần 1000 lượt người tham gia là Bí thư chi bộ, Trưởng xóm, Trưởng các đoàn thể ở xóm, người có uy tín và người dân vùng dân tộc thiểu số, miền núi trên địa bàn tỉnh.

1.28. Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Năm 2019, tổ chức 02 hội nghị tuyên truyền về Luật Bình đẳng giới và một số vấn đề về bình đẳng giới trong đời sống đồng bào dân tộc thiểu số cho gần 200 đại biểu tham gia.

1.29. Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Giai đoạn 2013-2015, tỉnh Thái Nguyên chưa được trung ương cấp kinh phí thực hiện chính sách; chỉ sử dụng nguồn vốn vay quay vòng của Quyết định số 32/QĐ-TTg. Kết quả thực hiện đến hết năm 2015 đã bố trí cho 1.105 hộ vay với số tiền 8.628 triệu đồng.

1.30. Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Võ Nhai theo Quyết định 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Đầu tư 04 công trình với tổng kinh phí 17.085 triệu đồng. Từ năm 2017, huyện Võ Nhai không còn thuộc diện đầu tư huyện nghèo theo Công văn số 955/LĐT BXH-VPQGGN ngày 16/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.31. Dự án “Cấp điện nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020” được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 30/10/2015: Dự án triển khai thực hiện trên địa bàn 76 xóm, bản của 19 xã thuộc 05 huyện (Võ Nhai, Đồng Hỷ, Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa). Tổng mức đầu tư: 207,959 tỷ đồng, gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ODA, nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác.

2. Kết quả xây dựng, thực hiện các chính sách do địa phương ban hành

2.1. Chính sách hỗ trợ muối Iốt phòng, chống bướu cổ, thiếu năng trí tuệ cho người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên: Kết quả thực hiện từ năm 2013 -2020: Số lượng 27.734,0 tấn. Kinh phí: 40.770,2 triệu đồng.

2.2. Đề án phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất và đời sống các xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 theo Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Đề án hỗ trợ 26 xóm, bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống. Về hỗ trợ phát triển sản xuất: đã hỗ trợ giống, phân bón trồng ngô lai cho diện tích 3.130,8 ha, kinh phí ngân sách hỗ trợ 14,91 tỷ đồng; kinh phí cho vay vốn trên 7,3 tỷ đồng và hỗ trợ gần 1,2 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để đồng bào trồng cỏ chăn nuôi trâu, bò; hỗ trợ 1 tỷ đồng để đồng bào trồng cây ăn quả trên diện tích đất 40 ha. Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Đầu tư hỗ trợ xây dựng 15 tuyến đường vào các xóm bản đặc biệt khó khăn có nhiều đồng bào dân tộc Mông sinh sống với tổng chiều dài 42,7 km, kinh phí 64,5 tỷ đồng; triển khai xây dựng 15 công trình lớp học, 03 công trình nhà văn hóa, 11 công trình điện lưới quốc gia, 02 công trình nước sinh hoạt tập trung bằng nguồn vốn lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách, trong đó kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ là 15,62 tỷ đồng.

2.3. Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Thái Nguyên Quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

UBND trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ tiền ăn cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý. Mục tiêu xây dựng chính sách cùng với việc thực hiện các văn bản, chính sách của Trung ương, của địa phương về phát triển giáo dục đào tạo cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên và các chính sách đặc thù đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú. Việc xây dựng chính sách hỗ trợ tiền ăn kết hợp với việc cấp học bổng theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 cho các nhà trường sẽ tổ chức tăng mức bình quân tiền ăn cho học sinh, chất lượng bữa ăn sẽ được cải thiện, chế độ dinh dưỡng được

đảm bảo, học sinh có đủ điều kiện học tập và đạt kết quả cao. Chính sách hỗ trợ của tỉnh được thực hiện từ 01/8/2018.

2.4. *Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 về việc hỗ trợ 100% mức đóng BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tạo điều kiện cho người cận nghèo được chăm sóc y tế.* Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT tăng lên hàng năm đến năm 2020 đạt trên 98%.

2.5. *Tổ chức triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh có liên quan đến công tác dân tộc:* Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức thực hiện được 04 đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến công tác dân tộc, đó là:

- Đề tài 01: “Giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa của một số dân tộc thiểu số ở Thái Nguyên qua xây dựng mô hình và tổ chức hoạt động nhà văn hóa cộng đồng”. Đề tài thực hiện nghiên cứu các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người đã và đang được thực hiện ở cộng đồng với 3 dân tộc Tày, Dao, Sán diu đang sinh sống tại tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu của đề tài nhằm góp phần thực hiện giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa của 3 dân tộc Tày, Dao, Sán diu.

- Đề tài 02: “Bảo tồn văn hóa phi vật thể qua tổ chức mô hình Ngày hội Văn hóa của dân tộc Sán diu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. Đây là đề tài có tính ứng dụng trực tiếp với dân tộc Sán diu trên địa bàn tỉnh với việc tổ chức mô hình Ngày hội Văn hóa của dân tộc Sán diu với các nội dung như: thi văn nghệ, diễn xướng văn hóa dân tộc Sán Diu; thi văn hóa ẩm thực, thi các trò chơi dân gian (kéo co, đi cà kheo...). Đề tài tiến hành nghiên cứu các đặc điểm văn hóa của dân tộc Sán diu trên địa bàn tỉnh. Kết quả của đề tài góp phần khôi phục, bảo tồn và phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể, các trò chơi dân gian đặc sắc, truyền thống của dân tộc Sán diu trên địa bàn tỉnh.

- Đề tài 03: “Giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên”. Đề tài đang được triển khai thực hiện, dự kiến đề tài hoàn thành sẽ giúp cho tỉnh có các chính sách, định hướng, hành động thiết thực nhằm giảm nghèo bền vững cho các dân tộc thiểu số trong tỉnh.

- Đề tài 04: “Giải pháp bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của lễ hội tại di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”. Kết quả nghiên cứu của đề tài nhằm bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các lễ hội lịch sử, đặc biệt là gắn với các dân tộc của tỉnh.

2.6. *Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018:* Về Quy định hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt BHYT) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2.7. *Chương trình cấp bách xóa 33 phòng học tạm vùng DTTS&MN: Tổng kinh phí thực hiện 20,5 tỷ đồng, đến nay trên địa bàn tỉnh không còn phòng học tạm*

3. Kết quả thực hiện một số mục tiêu cụ thể:

(Chi tiết có biểu kèm theo).

4. Một số kết quả nổi bật công tác dân tộc tỉnh Thái Nguyên giai đoạn vừa qua

- Năm 2016, Thái Nguyên có 12 xã ra khỏi diện ĐBKK *(tương ứng với 25%)*; Năm 2018, huyện Võ Nhai đã đủ điều kiện ra khỏi diện hưởng chính sách như huyện nghèo - huyện 30a *(cả nước tăng thêm 29 huyện 30a)*;

- Năm 2019, Thái Nguyên có 19/63 xã, 75/94 xóm đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 *(là tỉnh đứng thứ nhất toàn quốc)*;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng DTTS và Miền núi giảm nhanh: Từ 19,22% năm 2016 giảm xuống còn 6,17% vào cuối năm 2019, giảm bình quân trên 3,2%/năm; trong đó các xã hưởng CT135 giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 5%/năm, trong 4 năm giảm 20,01% hộ nghèo *(vượt mục tiêu đề ra của Chương trình MTQG là 4%; mục tiêu của tỉnh giảm 2%/năm hộ nghèo toàn tỉnh và các xã đặc biệt khó khăn giảm 3,5%/năm)*. Công tác giảm nghèo đã góp phần quan trọng đưa Thái Nguyên tăng 3 bậc, xếp thứ 2 trong 11 tỉnh miền núi vùng Đông Bắc có tỷ lệ hộ nghèo thấp *(chỉ sau Quảng Ninh)*;

- Đến hết năm 2019 có 74/113 xã *(bằng 65,4%)* vùng DTTS và MN đạt chuẩn NTM, góp phần đưa tỷ lệ các xã đạt chuẩn NTM vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh cao gấp ba lần bình quân chung của vùng DTTS và MN toàn quốc *(toàn quốc đạt 22,29%)*.

- Trong giai đoạn 2016-2020 Thái Nguyên xóa 76/76 xóm bản thiếu điện, “trắng điện” lưới quốc gia *(toàn quốc còn khoảng 3400 xóm)*; xây mới toàn bộ 33/33 phòng học tạm ở các xã ĐBKK.

- Thái nguyên có 90% số Trạm Y tế thuộc vùng DTTS và Miền núi có Bác sỹ; hơn 8% học sinh người DTTS được học tại các trường DTNT của địa phương.

- Năm 2019, tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX về công tác dân tộc và tổng kết 25 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 23/9/1994 của Ban Bí thư (khóa VII) về một số công tác ở vùng đồng bào dân tộc Mông *(Thái Nguyên là địa phương được Trung ương đánh giá cao, trong đó có Đề án đặc thù phát triển kinh tế xã hội vùng có đông đồng bào Mông - Đề án 2037)*.

- Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số đã đạt được các chỉ tiêu rất ấn tượng, đó là 13,73% cấp ủy tỉnh, 13,33% ủy viên Ban Thường vụ

Tỉnh ủy (Khóa XX); 28,57% Đại biểu Quốc hội¹; 22,2% đại biểu Hội đồng nhân dân ... con số này vượt xa mức chỉ tiêu đề ra đối với tỉnh có tỉ lệ đồng bào DTTS dưới 30%².

- Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên lần thứ III, năm 2019, tại Đại hội, Ban Dân tộc tỉnh đã được trao Huân chương Lao động hạng Nhì (*Thái Nguyên là một trong những đơn vị tạo sức lan tỏa và thành công nhất trong toàn quốc*).

- Có 4 đoàn cán bộ cấp cao của các nước: Myanmar; Lào, Thái Lan, Campuchia đến thăm, làm việc, học tập kinh nghiệm về công tác dân tộc tại tỉnh Thái Nguyên.

IV. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thuận lợi

Nhiệm vụ công tác dân tộc, chính sách dân tộc luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, giảm nghèo. Các chương trình, chính sách đầu tư vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã phát huy được hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch đúng mục đích, đối tượng.

Các cơ quan đã kịp thời phối hợp tham mưu cho UBND các cấp phân bổ nguồn kinh phí được giao, ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc đảm bảo hoàn thành kế hoạch giao. Qua việc triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc, miền núi từng bước được phát triển, thay đổi rõ rệt: Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt nhiều thành quả đáng khích lệ; tỷ lệ hộ nghèo trong vùng dân tộc giảm nhanh hơn mức bình quân chung của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần vùng dân tộc được nâng lên rõ rệt; kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng và củng cố.

2. Khó khăn, hạn chế

Hệ thống chính sách còn tản mạn, chưa đồng bộ, nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; công tác phối hợp giữa các cơ quan trong xây dựng và ban hành văn bản chưa chặt chẽ.

Các chính sách thường đề ra mục tiêu lớn, nhưng thời gian thực hiện ngắn, nội dung chính sách áp dụng ở nhiều văn bản khác nhau nên việc triển khai thực hiện còn có chính sách đạt hiệu quả chưa cao. Việc bố trí vốn, kinh phí cho các chính sách từ ngân sách trung ương để triển khai thực hiện còn chưa kịp thời, chưa

¹ Tỷ lệ Đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số khóa XIV là 17,4%.

² Theo Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 14/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới, đối với tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số từ 10% đến dưới 30% thì đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong các tổ chức không dưới 5%.

đảm bảo các mục tiêu đề ra và kế hoạch được phê duyệt. Một số chính sách đã được Chính phủ phê duyệt nhưng đến thời điểm hiện nay vẫn chưa được bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

Các chương trình, chính sách đều có cơ chế quản lý và thanh quyết toán riêng nên khó phối hợp, lồng ghép thực hiện. Còn thiếu cơ chế khuyến khích đối với các địa phương thực hiện tốt chính sách và chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý đối với các trường hợp triển khai chậm, kém hiệu quả; việc tổng hợp nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi hoặc đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn do kinh phí thực hiện theo từng chương trình, chính sách phần lớn không tách, tổng hợp riêng cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi hoặc đồng bào dân tộc thiểu số.

Hướng dẫn triển khai thực hiện một số chính sách của trung ương còn chưa kịp thời dẫn đến tiến độ thực hiện và vốn giải ngân một số chương trình, chính sách còn chậm.

Kết quả giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi thiếu tính bền vững, tỷ lệ tái nghèo còn cao. Đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, sự chênh lệch không chỉ về thu nhập mà cơ hội phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số và các vùng khác vẫn còn rất lớn.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội làm cơ sở để địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (Đ/c Tuấn);
- Lưu: VT, NC.

Phuongvk/BC/DT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Lượng

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
CỦA CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2020**
(Kèm theo Báo cáo số ~~20~~ 20/BC-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo Quyết định 449/QĐ-TTG	Mục tiêu theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND	Dự kiến kết quả đến 31/12/2020	Ghi chú
1	Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực:				
-	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	>50%	> 50%	65%	
-	Người nghèo trong độ tuổi có nhu cầu được đào tạo nghề		100%	100%	
-	Xã có trường học kiên cố, nhà công vụ cho giáo viên và nhà ở cho học sinh ở nơi cần thiết	100%	100%	100%	
-	Trẻ em trong độ tuổi được đến trường	95%	99%	Đạt trên 99%: cụ thể - Trẻ em 6 tuổi đến trường: 99,99% - Trẻ em 6-10 tuổi đi học tiểu học: 99,8% - Học sinh 11-14 tuổi đi học THCS: 99,46%	
2	Công tác cán bộ vùng dân tộc thiểu số:				
-	Cán bộ công chức cấp xã được đào tạo	100%	100%	100%	

TT	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo Quyết định 449/QĐ-TTG	Mục tiêu theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND	Dự kiến kết quả đến 31/12/2020	Ghi chú
-	Cán bộ công chức cấp xã có trình độ từ cao đẳng trở lên	70%	70%	78,39%	
3	Giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số:				
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm các xã vùng dân tộc thiểu số	4%	Bình quân từ 2,5% trở lên	3,26%	Giai đoạn 2016 - 2019
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm các xã vùng đặc biệt khó khăn		Bình quân từ 5% trở lên	5%	
-	Hộ nghèo người dân tộc thiểu số đủ điều kiện và có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội và được hỗ trợ để phát triển sản xuất		100%	100%	
-	Hỗ trợ nhà ở cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có nhu cầu cần hỗ trợ nhà ở theo quy định của nhà nước		100%	100%	
4	Cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số:				
-	Đường trục liên xã được nhựa hóa, bê tông hóa theo tiêu chuẩn của ngành giao thông vận tải	100%	100%	100%	
-	Đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới	>50%	>50%	65%	
-	Hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	100%	100%	95%	

TT	Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu theo Quyết định 449/QĐ-TTG	Mục tiêu theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND	Dự kiến kết quả đến 31/12/2020	Ghi chú
-	Hộ gia đình được sử dụng điện từ các nguồn	>95%	100%	>99,95%	
5	Văn hóa xã hội vùng dân tộc thiểu số:				
-	Hộ gia đình xem được truyền hình	100%	100%	100%	100% được phủ sóng Đài trung ương, địa phương
-	Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia và có bác sĩ làm việc	100%	100%	- Trạm đạt chuẩn: 118/123=95,93% - Trạm có bác sĩ: 113/123=91,87%	